

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 18/02/2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP - BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hoàn Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tây Nguyên
2. Ông Nguyễn Bá Ky

Thư ký phiên tòa: Ông Hán Tân Tiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa, Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bình T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 49/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXX-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐ-HPT, ngày 26 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989

Địa chỉ: 160 Lý Thường Kiệt, thị trấn PRC, huyện TP, tỉnh Bình T; có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thiện Th, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn LH, huyện TP, tỉnh Bình T; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 09 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T (gọi tắt là bà T) trình bày: Bà và ông Nguyễn Thiện Th (gọi tắt là ông Th) tổ chức lễ cưới ngày 22 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Bà và ông Th đã sống ly thân

đã mấy tháng nay.

Nay xác định tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa bà và ông Th không là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông Th chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Bà và ông Th không có tài sản gì cũng không có nghĩa vụ chung.

Bị đơn ông Nguyễn Thiện Th trình bày: Ông và bà T tổ chức lễ cưới ngày 22 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Ông và bà T sống ly thân đã mấy tháng nay.

Nay ông xác định tình cảm không còn nên ông cũng yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa ông và bà T không là vợ chồng.

Về con chung: Ông và bà T chưa có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Khi sống chung với bà T, ông bà có mua trả góp căn hộ E 304 Chung cư Texco 4449 Nguyễn Hữu Phú, phường Tân Tạo, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 chiếc xe ô tô hiệu Chervolet biển số 86A 07196. Ông bà có thể chấp căn hộ cho Ngân hàng VID để vay trả góp hàng tháng, hiện nay còn nợ Ngân hàng khoảng 800.000.000 đồng. Ông bà có cầm cố chiếc xe cho Ngân hàng VP để trả góp hàng tháng, hiện nay còn nợ Ngân hàng khoảng 300.000.000 đồng. Hồ sơ vay đều do bà T đứng tên, khi vay tiền bà T cho rằng người độc thân vay dễ hơn người có gia đình nên không chịu đăng ký kết hôn. Sau khi vay, hàng tháng ông đều đưa tiền mặt cho bà T trả Ngân hàng.

Căn hộ hiện nay theo ông trị giá là 2.300.000.000 đồng (hai tỷ ba trăm triệu đồng), chiếc xe ô tô hiệu Chervolet trị giá khoảng 500.000.000 đồng. Căn hộ hiện nay ông đang ở và quản lý còn chiếc xe bà T hiện nay đã lấy đi.

Ông yêu cầu nhận sở hữu căn hộ, nhận trả khoản nợ của Ngân hàng VID; giao cho bà T được sở hữu chiếc xe Chervolet, nhận trả nợ Ngân hàng VP; Ông hoàn trả cho bà T tiền chênh lệch tài sản là 650.000.000 đồng.

Ông sẽ thỏa thuận với bà T theo hướng nêu trên để Tòa án công nhận cho ông bà. Nếu không được thì ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP phát biểu ý kiến về việc kiểm sát tuân theo pháp luật: các bước của quá trình chuẩn bị xét xử, việc thu thập chứng cứ và trình tự thủ tục tại phiên tòa của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận mối quan hệ giữa bà T và ông Th là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố mối quan hệ giữa bà và ông Nguyễn Thiện Th không là vợ chồng;

con chung: không có, tài sản và nghĩa vụ chung: không có. Đây là vụ kiện “Ly hôn” quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự

Ông Th đang cư trú tại huyện TP nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện TP theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về thủ tục tố tụng: Do ông Th không chịu nhận giấy triệu tập để đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 179, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định của điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về yêu cầu khởi kiện của bà T: bà T và ông Th có tổ chức lễ cưới ngày 22 tháng 12 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu yêu thương nhau nhưng không có đăng ký kết hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T có yêu cầu thì không công nhận quan hệ giữa bà T và ông Th là vợ chồng.

Về con chung: bà T và ông Th không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Bà T trình bày: tài sản và nghĩa vụ chung không có. Ông Th trình bày có nhưng không làm thủ tục yêu cầu phản tố. Vì vậy, để đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên nên không xem xét.

4. Về án phí: bà T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí nên không hoàn lại cho bà tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 146, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Thiện Th; không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thiện Th là vợ chồng.

Về con chung: không có

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Không xem xét

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0002702, ngày 10 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP nên không hoàn lại cho bà số tiền này.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Thiện Th vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được Thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS ND (Tỉnh + Huyện);
- Tòa án ND Tỉnh BT;
- Các đương sự;
- THA Huyện;
- Lưu HS.

Hồ Hoàn Kiếm